



CON NGƯỜI VÀ THƠ LÝ BẠCH QUA NHỮNG LỜI PHẨM BÌNH CỦA CỔ NHÂN

Trần Trung Hỷ*

Trường Du lịch, Đại học Huế, 22 Lâm Hoàng, Tp. Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Trong lịch sử văn học Trung Quốc, Lý Bạch được đánh giá là nhà thơ đại diện cho khuynh hướng thơ lãng mạn dưới thời Đường, giai đoạn phát triển hoàng kim của thơ ca. Từ khi xuất hiện trên thi đàn, Lý Bạch nhận được nhiều sự quan tâm của những người đương thời cũng như lịch sử phê bình văn học Trung Quốc của các đời sau. Bài viết tập trung khái quát những ý kiến đánh giá tiêu biểu nhất về con người và thơ Lý Bạch từ thời Đường đến cuối thế kỷ XIX, tập trung chủ yếu trên ba phương diện: phẩm bình về con người và phong cách thơ, phẩm bình đặc trưng thi pháp thể loại và phẩm bình so sánh với các nhà thơ đương thời.

Từ khóa: Lý Bạch, Đỗ Phủ, phẩm bình, phong cách, thể loại, so sánh

1. Mở đầu

Khi Lý Bạch (701-762) – đại biểu cho khuynh hướng thơ lãng mạn cùng với Đỗ Phủ (712-770) – đại biểu cho khuynh hướng thơ hiện thực xuất hiện trên thi đàn Thịnh Đường (713-766), lịch sử thơ Đường có một sự chuyển biến lớn, dần dần thoát khỏi cái phong khí úy mị, diễm tình, thù tạc thời Sơ Đường để gắn thơ với cuộc sống hiện thực và đời sống tình cảm. Đánh giá vai trò của hai ông, có người còn cho rằng nếu không có Lý Bạch và Đỗ Phủ thì người đời sau không thể phân biệt được một cách rõ ràng đặc điểm của thơ Thịnh Đường với Sơ Đường [4, Tr. 197].

Người đầu tiên phẩm bình thơ Lý Bạch chính là Đỗ Phủ. Nhà thơ sống cùng thời và cũng rất tôn sùng người đàn anh họ Lý này đã đánh giá phong cách thơ Lý Bạch là “phiêu nhiên”, bao hàm nét “thanh tân” của Dữu Tín và “tuấn dật” của Bão Chiếu trong bài thơ *Xuân nhật ức Lý Bạch* (“Thanh tân Dữu Khai phủ, Tuấn dật Bão Tham quân”). Sau Đỗ Phủ, người đầu tiên chú ý đến vai trò, vị trí của Lý Bạch trên thi đàn Thịnh Đường là Hàn Dũ, người thời Trung Đường. Câu thơ “Lý Đỗ văn chương tại, Quang diễm vạn trượng trường” trong bài *Diệu Trương Tịch* của Hàn có thể xem là một trong những lời khẳng định đầu tiên những thành tựu

*Liên hệ: trantrunghyue@gmail.com

Nhận bài: 28-12-2020; Hoàn thành phản biện: 08-01-2021; Ngày nhận đăng: 31-3-2021

thơ ca của Lý Bạch và Đỗ Phủ. Tiếp theo nữa là Bạch Cư Dị. Nhà thơ kiêm nhà lý luận thơ ca thời Trung Đường này chẳng câu nệ gì mà tuyên dương hai nhà thơ tiền bối trong *Dữ Nguyên Cửu thư*: “Lại nói về hào kiệt trong thơ, thế gian đều xưng tụng Lý Bạch và Đỗ Phủ. Sáng tác của Lý Bạch rất tài mà cũng rất kỳ, người đời khó theo kịp” (又詩之豪者, 世稱李杜。李之作, 才矣奇矣, 人不逮矣) [1, Tr. 1057]. Và cũng rất tự nhiên, từ thời Trung Đường trở về sau, các nhà phê bình – một cách “tự nhiên nhi nhiên” mỗi khi đánh giá, bình phẩm về thơ Lý Bạch sẽ nghĩ đến Đỗ Phủ (và ngược lại), tên tuổi của hai người thường sóng đôi trong tư duy so sánh của họ.

Cổ nhân¹ tiếp nhận và bình phẩm thơ Lý Bạch chủ yếu từ những cảm thụ chủ quan và thường không xuất phát từ một lập trường hay quan điểm lý luận cụ thể nào, do vậy thường không tập trung và nhiều khi cùng một bài thơ, thậm chí một câu thơ nhưng lại có nhiều cách cảm thụ khác nhau, do vậy rất khó để chúng tôi khái quát thành những vấn đề để nghiên cứu. Tuy nhiên, trong điều kiện tư liệu cho phép, chúng tôi tập trung khảo sát ý kiến của cổ nhân phẩm bình thơ Lý Bạch trên ba phương diện chủ yếu: con người và phong cách thơ, đặc điểm thể loại và so sánh thơ Lý Bạch với các nhà thơ đương thời, chủ yếu là Vương Duy và Đỗ Phủ.

2. Phẩm bình về con người và phong cách thơ

Sau khi xuất hiện trên thi đàn Thịnh Đường, không những Lý Bạch nhận được sự chú ý của những nhà thơ mà còn có sự quan tâm của các nhà biên tập, những nhà lý luận đương thời. Mở đầu có thể là ý kiến của Ân Phồn trong *Hà Nhạc anh linh tập* đánh giá về cá tính cũng như việc thể hiện cá tính trong thơ để hình thành nên phong cách thơ lấy “cái kỳ” làm chủ đạo trong thơ Lý: “Tính Lý Bạch thích rượu, chí Lý Bạch không thích bị gò bó ràng buộc. Thường vào núi rừng để ở đến mười mấy năm. Cho nên văn chương ông làm ra đều phóng túng phiêu dật, ngay như *Thục đạo nan* và các bài khác có thể nói là trong cái kỳ lạ có cái kỳ lạ, từ *Ly tao* đến nay mới có lại giọng điệu này” (白性嗜酒, 志不搨檢。常林栖數載, 故其為文章, 率皆縱逸, 至如“蜀道難”等篇, 可謂奇之又奇, 然自騷人以還, 鮮有此體調也) [1, Tr. 1057]. Lý Dương Băng viết lời tựa tập thơ *Đường Lý Hàn Lâm thảo đường tập* cũng cho rằng mặc dù tính tình Lý Bạch có cao ngạo nhưng ông không đọc loại sách nào ngoài sách của thánh hiền, không làm thơ quá phóng túng như thơ Phong nói về tình yêu trai gái vượt ra ngoài lễ giáo của nước Trịnh, nước Vệ, có công làm biến đổi thể thơ diễm tình thời Tề Lương của thời Sơ Đường: “Không đọc sách ngoài sách của thánh nhân, xấu hổ vì phải viết lời giống như thơ nước Trịnh nước Vệ. Cho nên, tuy ngôn từ của ông đa phần giống như lời của những bậc tiên ông trên trời nhưng những gì viết ra phần lớn có ý vị phóng thích. Từ thời Tam đại đến nay, sau *Quốc phong* và *Ly tao* có thể theo

¹ Từ “cổ nhân” được chúng tôi giới hạn về mặt không gian là Trung Quốc, thời gian là từ thời Thịnh Đường đến cuối thế kỷ XIX.

đuổi được Khuất Nguyên, Tống Ngọc; gạt bỏ được Dương Hùng, Tư Mã Tương Như, ngàn năm duy nhất chỉ có mình ông bước đi... Thơ của đương triều lại sùng thượng phong cách cung thể thời Lương Trần, đến ông thì có thay đổi lớn, quét sạch những tàn dư ấy” (不讀非聖之書, 恥為鄭衛之作, 故其言多似天仙之辭, 所為著述, 言多諷興, 自三代以來, 風騷之後, 施驅屈宋, 鞭撻楊馬, 千載獨步, 唯公一人... 至今朝詩體尚有梁陳宮體之風, 至公大變, 掃地並盡) [1, Tr. 1057].

Có lẽ bắt đầu từ lời phẩm bình của Đỗ Phủ mà truyền thống phê bình văn học Trung Quốc thường dùng những thuật ngữ như “phiêu nhiên” (飄然), “thanh tân” (清新), “tuấn dật” (俊逸)... và những cụm từ cận nghĩa với các khái niệm trên như “tự nhiên thiên thành” (自然天成), “thiên mã hành không” (天馬行空), “dã mã thoát ky” (野馬脫羈)... để đánh giá chung về phong cách thơ Lý Bạch. Triệu Dục thời Minh trong *Ngõa Bắc thi thoại* giải thích những thuật ngữ này như sau: “Chỗ (mà người đời sau) không thể bắt kịp thơ Lý Bạch chính là tứ thơ kỳ lạ, cao siêu già dặn, đến một cách nhẹ nhàng mà đi cũng rất đột nhiên, không vụn vặt với việc mài giũa chương cú, cũng không khổ công với việc lao tâm khắc cốt mà có khí thế của ngựa trời đang phi trên không trung, không thể ghìm cương” (白詩之不可及處在於神識超邁, 飄然而來忽然而去, 不屑屑於雕章琢句, 亦不勞勞於鏤心刻骨, 自有天馬行空不可羈勒之勢) [1, Tr. 1069]

Bàn về phong cách thơ Lý Bạch, nhiều người còn truy nguyên những thành tựu thơ ca trước đó đã kết tinh trong ngòi bút nhà thơ này như thế nào. Rất nhiều ý kiến thống nhất rằng, phong cách thơ Lý Bạch có sự kế thừa ý thức phản kháng hiện thực từ *Kinh Thi*, tinh thần lãng mạn từ Khuất Nguyên, là sự tổng hòa các thành tựu từ thơ thời Hán Ngụy – Lục triều. Đại diện cho loại ý kiến này có Trần Dịch Tăng đời Minh phát biểu trong *Thi phổ*: “Thơ Lý Bạch có gốc gác từ *Quốc phong*, *Ly tao*, có ngọn nguồn từ (thơ) thời Hán Ngụy, sau đó đến Bào Chiêu, Từ Lăng, Dữu Tín đều tùy từng lúc mà vận dụng cả” (李白詩祖風騷, 宗漢魏, 下至鮑照, 徐, 庾亦時用之) [1, Tr. 1061]. Cao hơn nữa, Phương Hiếu Nhu trong *Tồn Chí Trai tập* lại phát hiện thơ Lý Bạch có nét tương đồng với phong cách ngôn ngữ của Trang Chu trong sách *Nam hoa kinh* ở chỗ “phóng đảng túng tú, duy kỳ sở dục”: “Trước tác của Trang Chu, thơ ca của Lý Bạch, phóng đảng tung hoành buông thả, chỉ theo đuổi cái ham muốn riêng nhưng không có gì là không vừa ý” (莊周之著書, 李白之歌詩, 放蕩縱恣, 惟其所欲而無不如意) [1, Tr. 1061].

Ngay một nhà Nho bảo thủ như Chu Hy với chủ trương “Tồn thiên lý, diệt nhân dục – Bảo tồn thiên lý, tiêu diệt lòng ham muốn của con người” của Đạo học đời Tống vẫn không thể không có những lời ca tụng thành tựu nghệ thuật, cũng không thể phủ nhận nét “hào phóng”, “ung dung” mặc dù ông này cố gắng tìm ra nét quy củ, chuẩn mực để gán cho thơ Lý Bạch vì tuyệt đại bộ phận thơ Lý chỉ nói đến cái “nhân dục”. Trong *Hồi Am thuyết thi*, Chu Hy phát biểu: “Thơ Lý Bạch không chỉ ở chỗ hào phóng, lại còn có nét ung dung chậm rãi... Thơ Lý Bạch không phải không có quy củ chuẩn mực mà ung dung giữa lòng quy củ chuẩn mực, cho nên

mới xứng là bậc thánh trong làng thơ” (李太白詩不專是豪放，亦有雍容和緩... 李太白詩非無法度，乃從容於法度之中，蓋聖於詩者也) [1, Tr. 1061].

Tất nhiên bên cạnh những lời ca tụng, thơ Lý Bạch cũng có không ít lời chê bai. Đầu tiên có thể kể đến Bạch Cư Dị. Bên cạnh việc tán dương cái “tài”, cái “kỳ” của thơ Lý Bạch nhưng đồng thời lại chịu sự chi phối của quan niệm “Văn chương hợp vi thời như trứ, ca thi thi hợp vi sự nhi tác” (Văn chương làm ra phải hợp với thời thế, thơ ca phải hợp với sự việc - *Dữ Nguyên Cửu thư*) và “Duy ca dân sinh bệnh, Nguyên đắc thiên tử tri” (Chỉ viết về những tật bệnh của dân sinh, Mong sao thiên tử biết đến - *Ký Đường Sinh*) [5, Tr. 260], trong *Dữ Nguyên Cửu thư*, Bạch Cư Dị đánh giá thơ Lý Bạch không cao vì thiếu tinh thần tố cáo và phê phán hiện thực như thơ Phong, thơ Nhã của *Kinh Thi*: “Sáng tác của Lý Bạch rất tài, rất kỳ; người đời không đạt đến được, (nhưng) lục tìm phong nhã tỷ hứng ở trong đó thì mười bài không có một” (李之作，奇矣才矣，人不逮矣，索其風雅比興，十無一焉) [2, Tr. 1057].

Có thể ý kiến của Bạch Cư Dị vẫn có đôi chút phiến diện và cực đoan bởi thực tế, những bài thơ của Lý Bạch như 59 bài *Cổ phong* (*Cổ phong ngũ thập cửu thủ*), *Đình đô hộ ca*, *Chiến thành nam...*, nội dung phê phán hiện thực, ký thác tâm tình thông qua bút pháp “mượn xưa nói nay” theo truyền thống “phong nhã tỷ hứng” xuất phát từ *Kinh Thi* không hề thiếu. Tô Triệt – một trong “Đường Tống bát đại gia” không những chê thơ Lý Bạch mà còn phê phán luôn cả tính cách, nhân quan chính trị của nhà thơ này trong *Thi bệnh ngũ sự*: “Con người và thơ Lý Bạch hào phóng tài năng (nhưng) hoa lệ mà không thực tế, hiếu sự háo danh, không biết nghĩa lý gì trong đó... Ban đầu, Bạch viết thơ để phụng sự Đường Minh Hoàng, bị sàm tấu nên bỏ đi. Vĩnh Vương (Lý Lâm) muốn cát cứ vùng Giang Hoài, ban đầu Lý Bạch không nghi ngờ gì mà đi theo, liền bị ghép vào tội chết. Nay đọc thơ ông, đúng là Lý Bạch và Đỗ Phủ đứng đầu trong các nhà thơ đời Đường, đến nay thơ vẫn còn tồn tại, (nhưng) Đỗ Phủ có cái tâm hiếu nghĩa, Lý Bạch không thể đạt được điều đó” (李白詩類其為人，駿發豪放，華而不實，好事好名，不知義理之所在也... 白始以詩事明皇，遇讒而去。永王將竊鋸江淮，白起而從之不疑，遂以放死。今觀其詩，固然唐詩人李杜稱首，今其詩皆在，杜甫有孝義之心，白所不及也) [1, Tr. 1058]. Ý kiến này của Tô Triệt đã gây nên một làn sóng tranh biện sau đó, trong đó có nhiều người không đồng tình, phản đối gay gắt nhất là Ngô Kiều đời Thanh. Trong *Vi Lô thi thoại*, Ngô Kiều trích nguyên lời của Tô Triệt phê phán Lý Bạch ở trên rồi thẳng thắn nhận định: “Ta cho rằng người đời Tống không biết gì về tỷ hứng, không đọc *Thi tam bách* (*Ba trăm bài thơ*) mà dám nói đến thơ Đường là không đúng với sự thật. Đầu óc của Lý Bạch có cái khí chất của núi cao lục hợp, thơ ắt là làm ra từ việc ký thác tâm tình... Uống rượu học tiên, dụng binh du hiệp đều là sự hứng khởi mà ký thác tâm tình vậy. Từ Do (Tô Triệt) đã lấy thể phú để mà chế nhạo Lý Bạch, không biết gì về thơ, làm sao biết được con người Lý Bạch như thế nào? Người đời Tống chỉ biết có phú mà thôi” (予謂宋人不知比興，不讀“三百篇”卻說唐詩亦不得實。太白腦懷有高山六合之氣，詩則寄

興為之... 飲酒學仙，用兵遊俠，又其詩之寄興也。子由以為賦而譏之，不知詩，何以知太白之為人乎？宋人惟知有賦而已) [1, Tr. 1067].

Sống trong thời Thịnh Đường và dưới sự trị vì của Đường Minh Hoàng – một ông vua rất anh minh trong giai đoạn đầu (Khai Nguyên, 712-743) - nhưng trong lối sống và thơ ca, Lý Bạch lại thể hiện một kiểu con người cá nhân với những vần thơ ngạo ngược, coi thường công hầu khanh tướng, cổ xúy cho việc hành lạc, xa rời “nhân cảnh” để tìm về với “tiên cảnh”..., đương nhiên sẽ khó lòng tìm thấy được sự đồng cảm của tất cả mọi người. Ngay cả Đỗ Phủ cũng không hiểu được nhà thơ đàn anh họ Lý nên trong bài *Bất kiến*, Đỗ Phủ cho rằng Lý Bạch “già cuồng điên”: *Bất kiến Lý sinh cứu, Dạng cuồng chân khả liên. Thế nhân giai dục sát, Duy ngã độc liên tài.* (Lâu rồi không gặp Lý Bạch, Già điên cuồng thật đáng thương. Người đời đều muốn giết, Riêng ta cứ thương tài). Đỗ Phủ cũng như nhiều người khác không hiểu được rằng, Lý Bạch là người “tiên giác” như ông tự nhận: *Mang mang đại mộng trung, Duy ngã độc tiên giác.* (Trong cõi mộng mênh mông, Riêng có ta là kẻ tỉnh trước – *Dữ Nguyên Đan Khâu Phương thành đàm huyền tác*). Lý Bạch “tiên giác” được điều gì? Chính là triều đại Thịnh Đường sẽ đại biến do Đường Minh Hoàng tin dùng gian thần Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung mà đỉnh điểm của loạn lạc là “An – Sử chi loạn” (755-763). Trong bài *Viễn biệt ly* (sáng tác năm Thiên Bảo thứ XII, 753), Lý đã “tiên giác” được điều này: *Quân thất thân hê long vi ngư, Quyên quy thân hê thủ biến hồ* (Vua mất bấy tôi rỗng biến thành cá, Quyên lục rơi vào tay bề tôi chuột hóa thành hồ) [3, Tr. 24]. Điều này làm cho Lý Bạch mất lòng tin vào xã hội Thịnh Đường và Đường Minh Hoàng, cho nên mới có những dòng thơ ngạo ngược, phá phách coi khinh quyền quý, thể hiện một cái tôi “ngông nghênh táo tợn” giữa lòng xã hội phong kiến như thế. Bởi thế, con người Lý Bạch và thơ của ông có được khen hay bị chê cũng là chuyện thường tình.

3. Phẩm bình phong cách thể loại

“Tự nhiên”, “phóng dật” (phóng túng và phiêu dật) là những khái niệm của giới phê bình khi đánh giá chung về phong cách thơ Lý Bạch và nói chung, đặc điểm này thể hiện ở tất cả các thể loại nhưng thật ra, giữa chúng có sự sai biệt, “hòa nhi bất đồng”. Có thể nói, Lý Bạch đã rất chủ động trong việc lựa chọn thể mạnh của các thể loại thơ để biểu đạt những nội dung phù hợp. Căn cứ *Lý Bạch toàn tập* [3], Lý Bạch để lại 963 bài thơ, trong đó có mặt đầy đủ tất cả các thể thơ từ cổ thể đến kim thể. Mỗi loại thơ đều có một đặc sắc riêng và đây là một trong những phương diện được cổ nhân bàn luận nhiều nhất. Có hai hướng phẩm bình chính: thứ nhất, phẩm bình phong cách chung; thứ hai, chú tâm phẩm bình những bài thơ cụ thể.

Phẩm bình về phong cách thơ cổ thể Lý Bạch, nhiều nhà phê bình như Thi Bồ Hoa, Hồ Ứng Lâm, Chu Đình Trân, Lý Diệu Nguyên, Hồ Chấn Hanh, Tiền Lương Trạch... đều dành cho

thơ Lý những lời tán dương tột đỉnh. Trong *Hiện Dụng thuyết thi*, Thi Bồ Hoa cho rằng, tuy “thơ thất cổ Lý Bạch khó học tập và bất chước nhưng không thể không học cái cái khí chất thanh cao, hào phóng của nó, cho dù có được một hai phần thì sự dung tục cũng giảm nhẹ được phần nào” (太白七古不易學，然一種清靈秀逸之氣不可不學，得其一二俗骨漸輕) [1, Tr. 1073]. Cùng ý kiến với Thi Bồ Hoa còn có Chu Đình Trân. Trong *Tiểu Viên thi thoại*, Chu Đình Trân cho rằng cái khó để người đời sau học tập thơ thất ngôn cổ thi của Lý Bạch chính là vì “Thi Tiên” sử dụng rất linh hoạt biện pháp “trường đoản cú” trong thể loại này mà người đời sau không thể bắt chước: “Thất ngôn cổ thể mà dùng câu ngắn câu dài là cực khó. Thể này vượn dài hay rút ngắn câu thơ, so le cộc cách đan cài vào nhau vốn không có phép tắc nhất định. Đến khi thành bài thơ, tất cả đều quy về tự nhiên, không những đó là sự sắp đặt của trời đất, nếu như có phép tắc thì không phải là người thiên tài có thần lực thì không thể đạt được đến chỗ kỳ diệu. Lý Bạch sở trường ở điểm này. Người đời sau học đời Lý Bạch chỉ chuyên theo đuổi cái rong ruổi, hào phóng của ông mà không đạt được cái hợp pháp của những âm thanh tự nhiên, trong sự hào phóng có nét thanh tân hùng hồn và phiêu dật. Cho nên về diện mạo thì có vẻ tương tự nhưng kỳ thực thì không đạt được như thế” (七古以長短句為最難。其伸縮長短，參差錯綜本無一定之法，及其成篇，一歸自然，不啻天造地設，又若有定法焉，非天才神力不能入妙。太白最長於此。後人學李白者，專務馳騁豪放，而不得其天然合拍之音節，於其豪放中別有請蒼俊逸之神氣，故貌似而實非也) [1, Tr. 386].

Khác với Thi Bồ Hoa và Chu Đình Trân cho là thơ Lý Bạch khó học theo, Lý Diệu Nguyên trong *Vũ Thôn thi thoại* lại cho rằng, người đời sau muốn làm thơ cần phải bắt đầu từ phong cách phiêu lãng phóng khoáng như “ngựa trời phi trên không trung, không thể khống chế” của thể Nhạc phủ Lý Bạch mới có thể phát huy được tài lực cũng như tâm tư chứa trong lòng: “Thơ Đường suy tôn Lý Bạch và Đỗ Phủ, người trước đã bàn luận kỹ rồi và thường là tôn Đỗ Phủ là bậc thầy của luật thi, còn Lý Bạch thì được gọi là tài lực của bậc tiên không thể học được. Việc gì mà phải nói quá đáng như thế? Đại khái là Lý Bạch giỏi ở thể Nhạc phủ, đọc thơ ông thì thấy được nét kỳ tài diễm tuyệt, bay bổng như Liệt Tử nương gió mà đi khiến cho mắt hoa tâm cuồng. Nhưng nếu tra cứu kỹ càng thì không phải không có chỗ có thể tìm ra cái mạch của nó... Cho nên ta cho rằng những kẻ học làm thơ ắt là phải bắt đầu từ Thái Bạch thì kiến thức và tài năng mới có thể trưởng thành và phát tiết được tâm tư” (唐詩首推李杜，前人論之詳矣。顧多以杜律為師，而於李則云仙才不能學。何其子畫之甚也？大約太白工於樂府，讀之奇才絕艷，飄飄如列子御風，使人目眩心驚。而細按之，無不有段落脈理可尋... 故予以為學詩者必從太白入手，方能長人才識，發人心思) [1, Tr. 1072]. Cùng quan điểm với Lý Diệu Nguyên, Tiên Lương Trạch trong *Đường âm thâm thể* cũng tán dương thơ Nhạc phủ Lý Bạch nhưng đồng thời cũng chê là ở chỗ “quá phóng túng”: “Ca hành của Lý Bạch nhập thần và biến đổi không ngừng, là lời phát ra từ bậc tiên trên trời, không thể tưởng tượng được. Ý nghĩa khí cốt hào phóng phiêu dật, từ một âm điệu gốc nhưng lại ngừng ngắt biến đổi, tuyệt diệu ở chỗ trầm

bồng lên xuống. Nhưng có chỗ chưa đạt là quá phóng túng” (太白歌行日神日化，天仙口語不可思議。其意氣豪邁，故是本體而轉折頓挫，極抑揚起伏之妙。然亦有失之狂縱者) [1, Tr. 329].

Người đánh giá rất cao thơ thất ngôn Nhạc phủ của Lý Bạch là Hồ Chấn Hanh. Trong *Đường âm quy tiêm*, Hồ Chấn Hanh cho rằng nếu độc giả không có kiến thức về cổ Nhạc phủ, không hiểu được con người và tính cách Lý Bạch, không đọc sách từ *Ly tao* đến sáng tác của các nhà thơ trước đó thì khó lòng cảm thụ được thơ Nhạc phủ Lý Bạch. Theo Hồ Chấn Hanh, thơ Nhạc phủ Lý Bạch là kết tinh những gì tinh túy nhất trong lịch sử thơ ca Trung Quốc: “Chỗ thâm sâu nhất trong Nhạc phủ Lý Bạch không chỗ nào không theo đuổi cổ đề, hoặc dùng nguyên ý nghĩa gốc, hoặc ngược lại để xuất những ý mới, hợp nhưng giống như rời, rời nhưng như hợp, bài thơ đạt được cái diệu với cùng cực của sự mô phỏng cổ nhân. Ta từng nói đọc Nhạc phủ Lý Bạch có ba cái khó: Không biết rõ ý nghĩa nguyên gốc của cổ đề sẽ không biết được chỗ (Lý Bạch) đã tự thay đổi; Không tìm hiểu những cảm khái mà Lý Bạch gặp phải thì sẽ không biết vì sao mà Lý Bạch lại chuyển đổi đề tài, mượn đề tài cũ để trữ tình; Không đọc hết sách của cổ nhân từ *Ly tao* đến các thi tập qua các thời thì không nắm bắt được những tài liệu và kỹ xảo linh hoạt mà Lý Bạch đã sử dụng” (太白於樂府最深，古題無一弗擬，或用其本意，或翻案另出新意，合而若離，離而實合，曲盡擬古之妙。嘗謂讀太白樂府者有三難：不先明古題辭義原委，不知奪換所自；不參按白身世遭遇之慨，不知其因事傳題，借題抒情本指；不讀盡古人，精熟“離騷”及歷代諸家詩集，無由得其所伐之財於巧鑄靈運之作略) [1, Tr. 1064].

Cùng quan điểm với Hồ Chấn Hanh, trong *Kiểm Khê thuyết thi*, Kiều Úc cũng cho rằng: “Thơ cổ thể Lý Bạch giống với “Quốc phong”, “Tiểu nhã”, lại có nét giống với *Ly Tao*, “Sở từ”, lại giống với Nhạc phủ và ca dao tạp khúc thời Hán Ngụy. Lại gần với thơ Tào Tử Kiến (Tào Thực), Nguyễn Tự Tông (Nguyễn Tịch), cũng giống với thơ Bão Minh Viễn (Bão Chiếu), Tạ Huyền Huy (Tạ Diểu)... Duy nhất không có bài nào là giống thơ Đào Uyên Minh” (太白詩有似國風小雅者，有似楚騷者，似漢魏樂府及歌謠雜曲者，有似曹子建，阮嗣宗者，有似鮑明遠者，似謝玄暉者... 獨無一篇似陶) [1, Tr. 1068].

Nhìn chung, khi bình phẩm về thơ cổ thể, các nhà phê bình thời trung đại đều thừa nhận một điều, thơ Nhạc phủ, đặc biệt là thất ngôn cổ thể của Lý Bạch rất phóng túng, ý tượng cao siêu, ngôn ngữ thơ tự do bay bổng như “thiên mã hành không” (ngựa trời phi giữa không trung), “dã mã thoát ky” (ngựa hoang thoát cương)... Nhưng khi bắt tay làm thơ ngũ ngôn cổ thể (ngũ cổ), ngòi bút của Lý Bạch chợt như bị ghìm lại, sự phóng túng tự nhiên cũng bị hạn chế rất nhiều. Sở dĩ có điều này là vì, Lý Bạch chủ động chọn thể ngũ cổ để viết về những vấn đề mang tính thời sự và đồng thời cũng thể hiện quan điểm “khôi phục đạo xưa” của nhà thơ. Những bài ngũ cổ tiêu biểu của Lý Bạch như *Cổ phong ngữ thập cửu thủ*, *Nghĩ cổ thập nhị thủ*, *Hiệu cổ nhị thủ*, *Cảm hưng bát thủ*, *Cảm ngộ tứ thủ* và đặc biệt là những bài thơ có đầu đề từ Nhạc phủ cổ đề... đã nói lên khuynh hướng “phục cổ” của thể loại thơ này. Chính Lý Bạch cũng đã

từng tự nhận trách nhiệm “khôi phục cổ đạo”. Mạnh Khải trong *Bản sự thi* có ghi lại lời “tự nhiệm” của Lý Bạch như sau: “Lý Bạch bàn về thơ có nói: Từ thời Lương Trần trở lại đây, (thơ) đẹp đẽ mà nhạt nhẽo... Khôi phục đạo xưa, ngoài ta ra thì là ai” (梁陳以來艷薄斯極... 恢復古道非我而誰?) [5, Tr. 242]. Ý kiến của Chung Tú trong *Quan ngã Sinh Trai thi thoại* có thể xem là một lời khẳng định chủ trương “phục cổ” của Lý Bạch mà ông đã tự nhận trách nhiệm trong thơ ngũ cổ: “Công lớn trong việc khôi phục cổ đạo của thơ ngũ cổ thời Đường đương nhiên suy tôn Lý Bạch. Chỉ đọc bài *Cổ phong số 1* thì đã có thể khẳng định ông là người nhận lấy trách nhiệm phục cổ... Ta cho rằng học tập làm thơ ngũ cổ, nêu ngắn thì lấy thơ *Cổ phong* của Lý Bạch, dài thì lấy *Bắc chinh* của Đỗ Phủ để nhập môn” (唐人五言古詩復古之功，當推太白。觀其“古風”第一首所云，已知其能以復古自任者... 余謂學復古者，短篇則太白之“古風”，長篇則少陵之“北征”當從此入門) [1, Tr. 396]. Lục Thời Ung trong *Đường thi kính* cho rằng, thơ ngũ cổ của Lý Bạch có khí vận của thơ Quốc phong (*Kinh Thi*): “Cái cần đạt được khi đọc thơ Lý Bạch là cái đẹp của khí vận mà đừng theo đuổi cái kỳ lạ của từ ngữ câu cú. Cái đẹp nhất trong thơ ngũ ngôn (Lý Bạch) là đạt được nhiều điều trong thơ Quốc phong” (讀太白詩，當得其汽運之美，不求其字句之奇。五言佳處，得力於“國風”居多) [1, Tr. 1063].

Sự lựa chọn thể loại xuất phát từ ý đồ nghệ thuật chủ quan của tác giả. Thơ ngũ cổ xuất hiện từ thời Hán với sự góp mặt của các nhà thơ thời kỳ Kiến An và đặc biệt là trong *Cổ thi thập cửu thủ* (Mười chín bài thơ cổ - Khuyết danh), phát triển cực thịnh trong thời Nam Bắc triều với dân ca Nhạc phủ, thơ sơn thủy của Tạ Linh Vận, Bão Chiếu, Dữu Tín... và thể thơ “cung oán” thời Lương Trần. Nói chung, đến thời Đường, hệ thống đề tài của thơ ngũ cổ đã định hình và dư phong của nó (đặc biệt là dư phong của thơ “cung oán”) còn ảnh hưởng không tốt trên thi đàn Sơ Đường. Lý Bạch tiếp nhận nguồn mạch của thơ ngũ cổ và gia công sáng tạo để thoát ly các phong khí phù hoa diễm lệ của thơ ngũ cổ thời Tề Lương, có điều không hoàn toàn thoát khỏi “du vị” của nó. Người phát hiện được vấn đề này là Lý Dương Băng khi biên soạn cuốn *Thảo đường tập tự*. Nhà phê bình đời Thanh là Triệu Dực rất đồng ý với Lý Dương Băng, trong *Ngõa Bắc thi thoại* Triệu Dực cho rằng, một số bài thơ, câu thơ ngũ cổ của Lý Bạch vẫn nhuốm màu cung thể mặc dù nó đã tiếp cận được với Quốc phong (*Kinh Thi*): “Trong lời tựa, Lý Dương Băng nói: Thời Sơ Đường, thể thơ còn có phong vị cung đình của thời Lương Trần, đến Lý Bạch thì có biến đổi lớn, xóa sạch tàn dư. Nhưng quan sát thật kỹ, phong vị cung đình vẫn chưa bị xóa bỏ hoàn toàn. Nguyên là, cổ Nhạc phủ phần lớn gắn với tình cảm, tâm tư của phụ nữ khuê phòng. Lý Bạch hiểu rất sâu về thơ Nhạc phủ, cho nên viết nhiều về chinh phu oán phụ, thương tiếc biệt ly và đều ẩn chứa nhiều cổ ý. Như trong *Lao Lao đình: Gió xuân xốt ly biệt, Chẳng khiến liễu xanh cành*; trong *Xuân tứ: Gió xuân chẳng quen biết gì nhau, Có gì nhập vào màn lụa*... lời tuy ngắn nhưng ý tứ thâm trường, ý tứ trực tiếp ảnh hưởng từ Quốc phong” (李陽冰序謂：唐初詩體尚有梁陳宮掖之風，至青蓮而大變，掃盡無餘。然細觀之，宮掖未掃盡也。蓋古樂府本多托於閨情女思，青蓮深於樂府，故亦多征夫怨婦，惜別傷離之作然皆含蓄古意，如“勞勞亭”之“春風知

別苦，不遣柳條青”；“春思”之“春風不相識，何事入羅幃”言短意長，直接國風之遺) [1, Tr. 1070]. Những ý kiến này có thể lý giải vì sao thơ ngũ cổ của Lý Bạch có sự gò bó, thiếu đi sự phóng túng và sáng tạo nếu so với chính thơ thất cổ và các thể loại khác của nhà thơ.

Ngoài việc đánh giá chung về thể loại, rất nhiều người quan tâm đến những đặc sắc riêng trong những bài thơ cổ thể của Lý Bạch. Trước tiên là bàn về nội dung của thơ cổ thể. Truyền thống phê bình thơ Trung Quốc thường chỉ quan tâm đến cái tôi cá nhân với những u uất trong tâm hồn, với rượu, trăng, kiếm... đây chất hào phóng lãng mạn mà ít chú ý đến yếu tố hiện thực, phê phán xã hội trong thơ Lý Bạch. Thực ra thơ Lý không chỉ “phiêu dật”, “hào phóng”, “thơ của bậc tiên”... mà còn có tiếng nói của cái tôi trách nhiệm với cuộc đời. Thích Khiết Tung (đời Tống) đã có những nhận định rất thú vị về một số bài thơ mang ý nghĩa thời sự - chính trị của Lý Bạch trong *Đàm Tân tập – Thư Lý Hàn Lâm tập hậu* như sau: “Ta đọc *Lý Hàn Lâm tập*, thấy trong đó có hơn trăm bài Nhạc phủ, các bài này đều có ý quan tâm đến quốc gia, chinh đốn nhân luân, có phong vị tuyệt vời của thơ thời Chu mà không chỉ để ngâm vịnh tính tình cốt tủy thích chí mà thôi... Gặp lúc An Lộc Sơn làm phản chiếm cung điện khiến Minh Hoàng phải chạy sang đất Thục, Lý Bạch thương xót nhà vua thất thế bỏ cả miếu đường nên làm bài *Viễn biệt ly* châm biếm. Ngay cả viết *Thục đạo nan* cũng để phê phán sự hoành hành của chư hầu; viết *Lương phủ ngâm* để cảm thương cho việc ôm ấp tấm lòng trung thành mà không được dùng; viết *Thiên mã ca* để thương xót cho kẻ hiền tài không được ghi chép công lao; viết *Hành lộ nan* biểu hiện sự căm ghét đối với những kẻ sàm nịnh không có được cái tiết nghĩa của kẻ bề tôi; viết *Mãnh hổ hành* để bày tỏ sự phẫn uất trước cảnh rợ Hồ làm loạn đất nước mà lo lắng cho vương thất; viết *Dương xuân ca* để cảnh báo chuyện dâm ô lạc thú; viết *Ô thê khúc* để châm biếm kẻ hiếu sắc mà không hiếu đức; viết *Chiến thành nam* để đả kích chuyện dùng binh đến cùng kiệt không cho nghỉ ngơi...” (余讀李翰林集，見其樂府詩百餘篇，其意尊國家，正人倫，卓然有周詩之風，非徒吟情性自適而已... 會祿山賊兵犯闕而明皇幸蜀，白閱天子失守，輕棄廟，故作“遠別離”以刺之。至於作“蜀道難”以刺諸侯之強橫，作“梁甫吟”傷懷忠而不見用，作“天馬歌”哀棄賢才而不錄其功，作“行路難”惡讒而不得盡其臣節，作“猛虎行”憤胡虜亂夏而思安王室，作“陽春歌”以誠淫樂不節，作“烏栖曲”以刺好色不好德，作“戰城南”以刺窮兵不休...) [1, Tr. 1059]. Với ý kiến của Thích Khiết Tung, không thể nói thơ Lý Bạch không có giá trị hiện thực và châm biếm những vấn đề thời sự.

Căn cứ *Lý Bạch toàn tập* [3], số lượng thơ luật của Lý Bạch không nhiều, khoảng trên dưới 100 bài, trong đó có 70 bài ngũ ngôn luật thi (ngũ luật), 7 bài thất ngôn luật thi (thất luật) và 20 bài ngũ ngôn bài luật. Trong bốn “đại gia” thời Thịnh Đường, thơ luật Lý Bạch ít nhất. Nếu tính riêng ngũ ngôn thi luật thì Đỗ Phủ chiếm nhiều nhất (khoảng 500 bài), Vương Duy và Mạnh Hạo Nhiên có trên dưới 100 bài. Có thể lấy kiến giải của Thi Triết Tôn để giải thích việc Lý Bạch ít làm thơ luật như sau: “Lý Bạch gặp phải luật thi giống như ngựa hoang bị buộc yên cương, đành lòng

cúi đầu quy phục” [4, Tr. 236]. Quy cách về niêm luật, đặc biệt là yêu cầu về đối ngẫu như không phù hợp với cá tính ưa phóng túng, không chịu gò bó nên Lý Bạch ít sáng tác thơ luật cũng là một lẽ thường tình. Người xưa cũng đã quan tâm đến đặc điểm này, trong *Ngõa Bắc thi thoại*, Triệu Dực lý giải như sau: “Thi tập của Lý Bạch nhiều thơ cổ thể, thơ luật ít. Thơ ngũ ngôn luật chỉ có hơn 70 bài, thất ngôn luật chỉ có 10 bài mà thôi. Bởi tài khí của ông hào mại, toàn dùng thần vận, tự cho rằng mình không thể bị trói buộc bởi cách luật đối ngẫu, không tranh đua cao thấp với những ai trau chuốt gọt giũa” (青蓮集中古詩多，律詩少。五律尚有七十首，七律只十首而已。蓋才氣豪邁，全以神韻，自不屑束縛於格律對偶，於調繪者爭長) [1, tr.1069]. Hứa Học Di trong *Thi nguyên biện thể* cũng rất thẳng thắn khi thừa nhận thơ luật của Lý Bạch không thể so sánh được với các nhà thơ đương thời về sự nghiêm cẩn của cách luật: “Thơ ngũ thất ngôn luật của Lý Bạch theo đuổi tài lực hứng thú, nên biết đó là điều mà nhà thơ khác không theo kịp. Nhưng nếu theo đuổi câu cú và thể cách của luật thi thì hầu như không thể tranh đua với mọi người” (太白五七言律以才力興趣求之，當知非諸家所及。若必於句格法律求之，殆不能與諸家爭衡矣) [1, Tr. 1065]. Ông này còn cho rằng, Lý Bạch không chú tâm đến các quy cách của thơ luật nên khi làm thơ, sự phóng túng khiến thơ luật lại trở thành “sở đoản” của nhà thơ này: “Hoặc hỏi, thơ ngũ thất ngôn luật của Lý Bạch so với các nhà thơ thời Thịnh Đường như thế nào, trả lời rằng: Các nhà thơ Thịnh Đường chú trọng hứng thú, cho nên về thể cách phần lớn là tự nhiên tròn trịa, ngôn ngữ trôi chảy hoạt bát. Lý Bạch tài cao, cảm hứng hào sảng, không quá chú tâm đến quy cách của ngũ thất ngôn luật cho nên bài nào cũng không đạt ở chỗ quá phóng túng... Người đời nói Lý Bạch sở đoản ở thơ luật, điều này là quá rõ” (或問：太白五七言律較盛唐諸公何如？曰：盛唐諸公本在興趣，故體多渾圓，語多活潑。太白才大興豪，於五七言律太不經意，故每失之於放... 世謂太白短於律，故表明之) [1, Tr. 1065].

Chính vì lý do này mà trong lịch sử phê bình thơ Trung Quốc, những lời tán dương thơ luật Lý Bạch không nhiều, nếu có phần lớn cũng chỉ đề cao nét “tự nhiên”, “cao điệu” của một số bài thơ. Chẳng hạn, Lưu Khắc Trang trong *Hậu Thôn thi thoại* cho rằng, thơ thất luật như *Đăng Kim Lăng Phương Hoàng đài*, ngũ luật như *Ức Hạ Giám*... của Lý Bạch rất “cao xa điệu vợi, không hẳn vì sự quan sát tinh tế mà do tính nghị luận không cao” (太白七言近體如“鳳凰台”，五言如“億賀監”皆高妙，未嘗細考而輕為議論) [1, Tr. 1060]. Ngô Kiều trong *Vi Lô thi thoại* lại phát hiện nét “bình dị”, “tự nhiên”, “thiên chân” trong thơ ngũ luật Lý Bạch (太白五律平易天真) [1, Tr. 1066]. Quách Triệu Lân trong *Mai Ngạn thi thoại* lại khen những bài thơ ngũ luật Lý Bạch sáng tác trong ba năm sống tại Hàn lâm viện có cách luật nghiêm cẩn nhưng mắc phải cái tội còn phảng phất “dư vị” của thơ “cung thể” thời Trần Tuy: “Thơ ngũ ngôn cận thể Lý Bạch như *Cung trung hành lạc* và nhiều bài khác vẫn còn có phong khí của thơ thời Trần Tuy nhưng dụng luật rất nghiêm chỉnh” (太白五言近體如“宮中行樂”等篇猶有陳隋習氣，然用律嚴矣) [1, Tr. 1067]. Đúng là những *Cung trung hành lạc từ bát thủ*, *Thanh bình điệu tam thủ*... được Lý Bạch sáng tác theo lệnh của Đường Minh Hoàng nhằm ca tụng Dương Quý Phi và cuộc sống đầy lạc

thú của nhà vua bên cạnh mỹ nhân trong thời gian ba năm ở Tập hiền viện nên buộc lòng ông phải dụng công làm luật thi để “đẹp lòng” vua và người đẹp và tất nhiên không thể thiếu những hình ảnh, ngôn từ diễm lệ. Những bài thơ này bị Hoàng Triệt phê phán trong *Cung khê thi thoại* như sau: “Ý tứ của chúng chỉ cốt đạt được từ ngữ đẹp đẽ mà suông sã để làm đàn bà vui tai. Những lời lẽ của Bạch cũng chẳng qua là “lầu ngọc”, “điện vàng”, “uyên ương”, “phi thúy” vân vân, xã tắc thương sinh nào có dụng đến” (其意急得艷詞蝶語以悅婦人耳。白之論贊論撰亦不過玉樓, 金殿, 鶯鶯, 翡翠等語, 社稷蒼生何賴?) [1, tr.1059]. Tương tự, bài thất luật *Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng đài* tuy được Lưu Khắc Trang khen là “cao xa diệu vợi” nhưng lại bị nhà nghiên cứu hiện đại Viên Hành Bái đánh giá là “bắt chước” cách lập ý, cấu tứ, bút pháp của Thôi Hiệu trong *Hoàng Hạc lâu* [6, Tr. 329].

Bên cạnh thơ cổ thể, thơ tuyệt cú (ở Việt Nam quen dùng thuật ngữ “tứ tuyệt”) của Lý Bạch cũng được giới phê bình đánh giá rất cao. Có thể nói, thời Thịnh Đường tuy ngắn ngủi (712-766) nhưng xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng nhất và cũng là thời kỳ mà thơ tuyệt cú đạt được những thành tựu cao nhất. Chính vì vậy mà khi bình phẩm thơ tuyệt cú Lý Bạch, tên tuổi của các nhà thơ Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Lý Bạch, Đỗ Phủ thường đi song đôi với nhau. Lý Duy Trinh trong *Đường thi luận tắc* tìm thấy điểm chung trong thơ tuyệt cú của bốn nhà thơ này là “không dựa vào trau chuốt gọt giũa mà tự có nét tự nhiên hứng thú chân chính” (不假雕飾而自有天然真趣), trong đó Lý Bạch được đề cao nhất: “Trong bốn người lại có Thái Bạch được xưng tụng là có cái tài năng của một tiên ông bị đày xuống trần, thơ thất ngôn tuyệt cú tuyệt diệu ở chỗ nhập thần, quả thật là tuôn chảy ở chỗ không thể không tuôn chảy, dùng lại ở chỗ không thể không dùng, có nghĩa là Lý Bạch không cần cố ý cho nên nó tự nhiên” (四公中, 又太白稱謫仙才者, 而七言絕尤為入神, 誠行乎不得不行, 止乎不得不止, 即太白亦不自知其所以然而然矣) [1, Tr. 556]. Đặc trưng của thơ tuyệt cú là rất ngắn (ngũ tuyệt 20 và thất tuyệt 28 chữ), ưu điểm của nó là rất phù hợp với việc biểu hiện sự rung động tâm tình một cách đột xuất mà những thể loại thơ dài khó lòng biểu đạt, cũng không cần phải quá chú tâm đến sự trau chuốt ngôn từ. Chính vì vậy, Lý Bạch “ưu tiên” cho tuyệt cú (chiếm số lượng 180 bài trong tổng số 963 bài [3]) với đặc trưng là “tự nhiên”. Có lẽ nắm bắt được điểm này nên Hứa Học Di trong *Thi nguyên biện thể* cũng tán dương thơ tuyệt cú Lý Bạch ngang hàng với Vương Xương Linh, thậm chí là còn tôn vinh rằng, trong ba trăm năm phát triển của thơ tuyệt cú đời Đường, Lý Bạch chiếm vị trí số một: “Thơ ngũ thất ngôn tuyệt cú của Lý Bạch đúng ba trăm năm đời Đường chỉ có một, đại khái là không dụng ý mà đạt được điều này. Ngu ý của tôi là, thơ thất ngôn Lý Bạch và Vương Xương Linh chủ tâm tại sự nhàn nhã, ngôn ngữ ung dung, riêng Lý Bạch phần lớn là có âm điệu cổ xưa, do vậy nên mới tuyệt diệu” (太白五七言絕實唐三百年一人, 蓋以不用意得之。愚按: 七言絕, 太白, 少伯意並閒雅, 語更從容, 而太白中多古調, 故又超絕) [1, Tr. 557]. Hồ Ứng Lâm trong *Thi tẩu* diễn giải đặc điểm “tự nhiên” của thơ tuyệt cú Lý Bạch là “tín khẩu nhi thành” (buột miệng mà thành) và là một sự kế thừa thơ Nhạc phủ: “Những bài tuyệt cú của Lý

Bạch như buột miệng nói ra thành thơ, điều này gọi là vô ý với sự trau chuốt nhưng không bài nào là không hay” (太白諸絕句信口而成，所謂無意于工而無不工者) [1, Tr. 577]. Quán Thế Minh trong *Độc Tuyết Sơn Phòng Đường thi tự lệ* lại dùng thuật ngữ “thiên lại” (tiếng sáo trời) để hình dung cho tuyệt cú Lý Bạch: “Tuyệt cú Lý Bạch thuần túy là tiếng sáo trời, không phải sức người có thể làm được” (青蓮絕句純於天籟，非人力之所能為) [1, Tr. 582]. Nói chung, những ý kiến này đều thống nhất ở một điểm: Thơ tuyệt cú Lý Bạch đẹp nhưng không hề gọt giũa, ngôn ngữ thơ như đi thẳng từ trong lòng ra và tự nhiên thành thơ.

4. Phê bình so sánh

Một phương diện phê bình khá lý thú của cổ nhân là thường đặt đối tượng phẩm bình trong thế tương quan, so sánh với người cùng thời. Các phương diện để đưa ra so sánh tương đối đa dạng, bao gồm về tài năng, phong cách, đặc điểm thể thơ... Đối tượng để các nhà phê bình đưa ra để so sánh với Lý Bạch tập trung nhiều nhất vẫn là Vương Duy và Đỗ Phủ - hai nhà thơ đồng thời và tiếng tăm cũng ngang tầm với Lý Bạch.

Trước tiên là so sánh về tài năng. Không ai phủ nhận tài làm thơ của Lý, Vương và Đỗ nhưng vì sao phong cách của họ khác nhau, Từ Tăng trong *Nhi Am thuyết Đường thi* giải thích như sau: “Thơ, nói chung là không thoát ly khỏi tài năng. Có thiên tài, có địa tài và có nhân tài. Ta cho rằng thiên tài là Lý Thái Bạch, địa tài là Đỗ Tử Mỹ, nhân tài là Vương Ma Cật” (詩，總不離乎才也。有天才、有地才、有人才。吾於天才得李太白，於地才得杜子美，於人才得王摩詰) [1, Tr. 230]. Có lẽ tiếp nhận ý kiến này nên người đời sau có cùng chung nhận thức khi cho rằng, Lý Bạch là “Thi Tiên”, là nhà thơ của cõi trời; Đỗ Phủ là “Thi Thánh”, là nhà thơ của nhân gian bách tính; Vương Duy là “Thi Phật”, nhà thơ của cõi thiên. Triệu Dực trong *Ngõa Bắc thi thoại* còn so sánh phong cách thơ Lý Bạch với Đỗ Phủ và Hàn Dũ, hai “đại thụ” thời Thịnh Đường và Trung Đường và khẳng định, đó là “thơ của người và thơ của tiên”: “Nếu luận về độ thâm trầm sâu sắc của Lý Bạch thì không bằng Đỗ Phủ; độ hùng tráng dũng mãnh thì cũng không bằng Hàn Dũ. Nhưng nếu đem Đỗ và Hàn ra so sánh với Lý thì, một bên ắt là dụng lực không thể không để lộ dấu vết, một bên ắt không dùng sức mà nét xuân sinh ra dưới bàn tay. Đó chính là sự khác biệt của người và của tiên vậy” (若論其沉刻則不如杜，雄鷲亦不如韓。然以杜韓於之比較，一則用力而不免痕跡，一則不用力而融手生春。此仙於人之別也) [1, Tr. 1069]. Tuy chê Tô Triệt “không biết gì về thơ” và con người Lý Bạch, có ý “bệnh vực” cho nhà thơ họ Lý nhưng cũng chính trong *Vi Lô thi thoại*, vì quá khâm phục giá trị phản ánh hiện thực và gắn với “nhân luân nhật dụng” của thơ Đỗ Phủ nên Ngô Kiều phê bình Lý Bạch trong việc chú tâm viết chuyện tiên chuyện rượu quá nhiều: “Thơ của Đỗ Phủ, đa phần xuất phát từ đời sống nhân luân nhật dụng cho nên mỗi ngày mỗi mới, đọc mãi mà không chán. Lý Bạch uống rượu học tiên, đọc mấy mươi bài là đã thấy mệt” (子美之詩多發於人倫日用間，所以日新又新，讀之不厭。太白飲酒學仙，讀數十篇倦矣) [1, Tr. 1107]. Lỗ Cửu Cao trong *Thi học nguyên lưu khảo* quan

tâm truy nguyên nguồn cội của thơ Lý Bạch và Đỗ Phủ, cho rằng thơ Lý thì mang dư hưởng của Quốc phong, thơ Đỗ theo đuổi phong cách thơ Đại và Tiểu Nhã: “Thời Khai Nguyên Thiên Bảo sinh ra hai ông Lý Đỗ, là tập đại thành của mấy trăm năm. Thái Bạch thiên tài tuyệt thế, Nhạc phủ cổ phong tuân thủ quy cách của cổ nhân; sức học của Từ Mỹ đến chỗ áo diệu, mà những sáng tác cảm xúc trước thời thế, lo lắng cho loạn lạc đã một mình mở ra một diện mạo mới. Thái Bạch mạnh mẽ với Quốc phong, còn Từ Mỹ có thể mạnh của Đại Nhã và Tiểu Nhã” (開元天寶之際，篤生李、杜二公，集數百年之大成。太白天才絕世，而古風樂府守古人規矩；子美學窮奧妙，而感時融事，憂傷念亂之作，極力獨開生面。蓋太白得力於國風，而子美得力於大小雅) [1, Tr. 225].

Rất nhiều ý kiến so sánh phong cách thể loại của Lý Bạch với các nhà thơ đương thời. Ở thể loại cổ thi, người được đưa ra so sánh với Lý Bạch nhiều nhất vẫn là Đỗ Phủ. Theo lời thuật của Tạ Trấn trong *Tứ Minh thi thoại*, lúc sinh thời, Lý Bạch và Đỗ Phủ đã có bình phẩm về thể Nhạc phủ của nhau: “Đỗ Phủ nói thơ Lý Bạch thanh tân tự nhiên phiêu dật nhưng quá phóng túng; Lý Bạch nói thơ Đỗ Phủ khổ, nhưng lại nặng nề ủ dột” (杜子美稱李太白詩清新俊逸，然卻太快。太白謂子美詩苦，然卻沉鬱) [1, Tr. 391]. Giải thích sự khác biệt này, theo Hứa Học Di trong *Thi nguyên biện thể*, thơ Nhạc phủ cổ thể Lý Bạch chú tâm theo đuổi “hưng”, còn Đỗ Phủ thì quan tâm đến “ý” nên dẫn đến thơ Lý “căn bản là hào phóng”, thơ Đỗ “căn bản là trầm hùng” (李主興，本乎豪放；杜主意，本乎沉雄) [1, Tr. 350-351]. Chính vì thế, trong *Hiện Dụng thuyết thi*, Thi Bộ Hoa cho rằng người đời sau có thể học tập thơ thất ngôn cổ thi của Đỗ Phủ vì đó là thơ của “thánh nhân” nhưng khó mà đuổi kịp được Lý Bạch bởi đó là thơ của “tiên nhân”: “Thể thơ thất ngôn cổ thi của Lý Bạch kiêm dụng cả Nhạc phủ, biến hóa vô cùng. Từ xưa đến nay, những ai học tập theo Đỗ Phủ đều thành công, riêng học tập theo Lý Bạch thì không có mấy người thành tựu. Quy củ của thánh nhân (Đỗ Phủ) có thể học theo, còn tông tích của tiên nhân (Lý Bạch) thì khó có thể mà men theo vậy” (太白七古，體兼樂府，變化無窮。然古今學杜多成就，學李者少成就。聖人有矩矱可循，仙人無蹤跡可躡也) [1, Tr. 1073]. Hồ Ứng Lâm trong *Thi tấu* phát hiện nét đặc sắc trong thơ Nhạc phủ Lý Bạch là “thiên về cái kỳ lạ của xưa nay” còn Đỗ Phủ “kế thừa di sản Phong Nhã” và chứng minh quan điểm của mình bằng những sáng tác của Lý và Đỗ: “Nhạc phủ của Lý Bạch thiên về cái kỳ lạ của xưa nay, Đỗ Phủ kế thừa di sản Phong Nhã. Những bài như *Thục đạo nan*, *Viễn biệt ly* xuất quỷ nhập thần, mờ ảo khó mà đoán định được; *Bình xa hành*, *Tân hôn biệt* bày tỏ tâm tình, phô bày sự việc thành khẩn đau buồn như thấy được” (樂府則太白擅奇古今，少陵嗣跡風雅。“蜀道難”，“遠別離”等篇出鬼入神，恍恍莫測；“兵車行”，“新婚別”等作述情陳事懇惻如見) [1, Tr. 310].

Lý Bạch ít sáng tác thơ luật nên những phẩm bình so sánh dành cho thể loại này không phong phú lắm nếu so với thơ cổ thể và tuyệt cú. Trong *Đường thi phẩm hội*, Cao Kiêm đặt thơ luật Lý Bạch bên cạnh Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Sầm Tham, Cao Thích, Đỗ Phủ để tìm ra

phong cách riêng về thơ luật của từng người và cho rằng họ đều là “danh gia”: “Những người làm thơ luật hay nhất thời Thịnh Đường như Lý Bạch khí thế hình tượng hào hùng phiêu dật, Mạnh Hạo Nhiên cảm hứng thanh cao xa vời, ngôn từ và ý tượng của Vương Duy ưu nhã thanh tú, ngôn từ Sầm Tham kỳ lạ nghiêm cẩn, Cao Thích cốt cách hồn hậu. Riêng thơ luật Đỗ Phủ biến hóa cao siêu... Họ đều là những danh gia từ thời Khai Nguyên, Thiên Bảo trở lại đây” (盛唐律句之妙者, 李翰林氣象雄逸, 孟襄陽興致清遠, 王右丞詞意雅秀, 岑嘉州造語奇峻, 高常侍骨格渾厚, 杜子美律法變化尤高... 皆開元天寶以來名家) [1, Tr. 436].

Không phải vô tình mà trong lịch sử phê bình thơ tuyệt cú, người xưa thường đặt Lý Bạch, Vương Xương Linh, Vương Duy bên cạnh nhau để bình phẩm và so sánh. Xét về thành tựu chung, cả ba nhà thơ này góp phần quan trọng để thơ ca thời Đường bước vào thời kỳ Thịnh Đường “hoàng kim”, nhưng thơ tuyệt cú của họ đều có những thành công riêng. Thẩm Đức Tiềm (đời Thanh) trong *Đường thi biệt tài tập* phát hiện đặc sắc thơ tứ tuyệt của Vương Duy là “tự nhiên” và gần gũi với cổ thi, Lý Bạch thì “cao diệu” và gần với Nhạc phủ (右丞之自然, 近古詩; 太白之高妙, 近樂府). Ông này còn cho rằng, Vương Duy mạnh về ngũ ngôn tuyệt, Vương Xương Linh mạnh về thất ngôn tuyệt, còn Lý Bạch thì thành công trên cả ngũ tuyệt lẫn thất tuyệt: “Ngũ ngôn tuyệt thì có Hữu Thừa (Vương Duy), Lý Bạch; thất ngôn tuyệt thì có Long Tiêu (Vương Xương Linh), Lý Bạch diệu tuyệt nhất từ xưa đến nay, làm nên một vùng trời đất riêng” (五言絕右丞, 供奉; 七言絕龍標, 供奉妙絕古今, 別有天地) [1, Tr. 574]. Xét về phong cách ngôn ngữ, giữa Lý Bạch và Vương Duy có đặc sắc riêng như ý kiến của Hồ Ứng Lâm trong *Thi tấu*: “Từ ngữ, khí chất của Lý bay bổng, không bằng so với sự tự tại của Vương... Câu chữ của Vương khoan thai nhẹ nhàng không bằng nét tự nhiên của Lý” (李詞氣飛揚, 不若王之自在... 王句格舒緩, 不若李之自然) [1, Tr. 577]. Hồ Ứng Lâm cũng so sánh tuyệt cú Lý Bạch với Vương Xương Linh, cho rằng “Những bài tuyệt cú của Lý Bạch như buột miệng nói ra thành thơ, điều này gọi là vô ý với sự trau chuốt nhưng không bài nào là không hay, còn Vương Xương Linh thì có thừa sự thâm hậu, hòa nhã không vội vàng, ai oán mà không giận dữ, diễm lệ mà không phóng túng” (太白諸絕句信口而成, 所謂無意于工而無不工者. 少伯深厚有餘, 優柔不迫, 怨而不怒, 麗而不淫) [1, Tr. 577].

5. Kết luận

Những lời phẩm bình của cổ nhân về thơ Lý Bạch trên các phương diện phong cách chung, thi pháp thể loại và so sánh phần lớn đều xuất phát từ những cảm thụ cá nhân mang tính chủ quan mà chưa có một nền tảng lý luận và phương pháp phê bình chung. Có điều những ý kiến ấy cũng đáng để cho người đời sau học tập và trong thực tế, truyền thống lý luận phê bình văn học Trung Quốc đương đại đang tiếp nhận những ý kiến gợi mở từ các bậc tiền bối để nghiên cứu, đánh giá thành tựu thơ Lý Bạch. Những thuật ngữ đã định hình từ những ý kiến riêng lẻ của người xưa như “phiêu dật”, “phóng túng”, “thiên mã hành không”, “dã mã

thoát ky”... vẫn còn đang được người đương thời sử dụng trong các công trình nghiên cứu về con người và thơ ca Lý Bạch.

Lý Bạch xuất hiện trên thi đàn Thịnh Đường đã góp phần làm nên thời kỳ “hoàng kim” của thơ Đường. Thế nên người đời sau mới nói “Văn tất Tần Hán, thi tất Thịnh Đường” (Văn xuôi thì phải nói đến thời Tần và Hán, thơ ca phải nói đến thời Thịnh Đường). Tất nhiên, không chỉ có Lý Bạch làm vinh quang cho thơ thời Thịnh Đường mà bên cạnh “Thi Tiên” vẫn còn có Đỗ Phủ, Vương Duy, Mạnh Hạo Nhiên, Vương Xương Linh, Cao Thích, Sầm Tham... Có điều, vị trí số một của Lý Bạch và Đỗ Phủ trong lịch sử thơ Đường và lịch sử thơ Trung Quốc nói chung thì trong tiến trình phê bình văn học hầu như chưa có ai lên tiếng phản đối.

Những ý kiến phẩm bình về thơ Lý Bạch của cổ nhân đương nhiên là rất nhiều, nhiều hơn rất nhiều những gì đã được giới thiệu trong bài này, nhưng thiết nghĩ, việc giới thiệu cho đầy đủ tất cả những ý kiến ấy là không hề đơn giản (thậm chí không tưởng) mà chỉ là những chấm phá ban đầu nhằm khám phá thêm ở một góc độ khác về một nhà thơ vốn đã quá quen thuộc đối với những bậc thức giả và những người yêu thơ Đường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 陈伯海 (chủ biên) (1992), *唐诗论评类编*, 山东教育出版社.
2. 蒋凡 (chủ biên) (1997), *中国古代文论教程*, 中国书籍出版社.
3. 李白 (1996), *李白全集*, 鲍方校点, 上海古籍出版社.
4. 施蛰存 (1998), *唐诗百话*, 上海古籍出版社.
5. 王运熙 (chủ biên) (1995), *中国文学批评史*, 上海古籍出版社.
6. 萧涤非 (chủ biên) (1997), *唐诗鉴赏辞典*, 上海辞书出版社.

LI BAI'S SELF AND POETRY THROUGH ANCIENT CRITICISMS

Tran Trung Hy*

University of Tourism - Hue University, 22 Lam Hoang, Hue city, Vietnam

Abstract. In the history of Chinese literature, Li Bai is considered as a poet who represents the trend of romantic poetry bearing a liberal poetic style expressing the individual feudal ego profoundly with reserved resentments under the Tang dynasty, the golden era of Chinese poetry. Since coming into being,

Li Bai's poetry has received much attention from the contemporary and later critics in the Chinese literature expertise. This article focuses on generalizing the most typical criticisms of Li Bai's self and poetry from the Tang dynasty period to the late XIX century, including comments on people and poetic styles, comments on poetry characteristics, and contrastive criticisms of contemporary poets.

Keywords: Li Bai, Du Fu, comment, styles, characteristic, contrastive